

LỢI - HẠI CỦA XUẤT CẢNH LAO ĐỘNG Ở MỸ LA TINH

Trịnh Trọng Nghĩa

Thật ra tình trạng di chuyển lao động từ nơi này sang nơi khác đã có từ lâu trên thế giới, nhưng trong thế kỷ XX, nhất là vào những năm cuối thế kỷ này nó đã diễn ra khá sôi động, ngày một tăng và có rất nhiều biến đổi về chất.

Sở dĩ như vậy chủ yếu là do khoa học công nghệ ngày càng tiến bộ, góp phần tích cực vào việc hiện đại hoá các nền kinh tế, cơ cấu lại sản xuất trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu ngày một gia tăng. Đi đôi với tổ chức lại sản xuất là thay đổi chất lượng thị trường lao động và cơ cấu lại công ăn việc làm của người lao động.

Giao thông đi lại, viễn thông liên lạc ngày càng thuận tiện, dễ dàng và rẻ tiền cũng là những nhân tố khách quan, góp phần đắc lực làm thay đổi về chất các quá trình bố trí lại các nguồn lực lao động giữa các vùng trong một quốc gia, giữa các quốc gia trong khu vực và trên quy mô toàn cầu.

Riêng đối với khu vực Mỹ La tinh (MLT) còn một nhân tố nữa, không kém phần quan trọng trong việc kích thích làn sóng di chuyển lao động - đó là tình trạng khó khăn về kinh tế, bất ổn về chính trị gây nên bởi những cuộc cải cách kinh tế - xã hội theo chủ nghĩa tự do mới (New Liberalization). Niềm tin của dân chúng vào các chính sách của nhà nước, của các đảng cầm quyền, vào công đoàn và các tôn giáo

ngày càng phai nhạt. Đã thế, khuynh hướng chia nhỏ xã hội, cá thể hoá mọi hình thức sinh tồn của con người, lấy khu vực MLT làm chỗ dựa, đang kích thích những toan tính cá nhân, làm phương hại đến các giá trị truyền thống của những hành động tập thể, tạo tiền đề để phân bố lại nhân lực trên quy mô khu vực và toàn cầu.

Nguyên nhân di chuyển lao động nói chung là muôn hình, vạn dạng, luôn bị thay đổi trong quá trình phát triển xã hội. Nhưng, nguyên nhân cơ bản ở đây, suy cho cùng, là đói nghèo và xã hội bất ổn, buộc người ta phải rời bỏ quê hương, bản quán đến nơi xa lạ, ngôn ngữ bất đồng, không bạn bè ruột thịt để kiếm ăn với hy vọng có thể đổi đời cho bản thân và cho gia đình bằng con đường lao động ở đất khách quê người.

Thực trạng di chuyển lao động

Tìm điều kiện tốt hơn để sinh tồn buộc người ta phải rời nông thôn ra thành thị, chuyển từ vùng kinh tế chậm phát triển sang vùng phát triển thuận lợi hơn, từ nước nghèo sang nước giàu, có tiềm năng kinh tế mạnh hơn, xã hội ổn định hơn - đó là quy luật thường tình trong cuộc sống của con người ở mọi quốc gia.

Xin lấy Argentina làm ví dụ. Đầu thế kỷ XX nước này thu nhận nhiều lao động nước ngoài đến kiếm sống, kể

cả từ Châu Âu, nhưng đến cuối thế kỷ XX lại trở thành nước có người xuất cảnh kiếm ăn khá nhiều vì cả lý do chính trị (thời kỳ độc tài quân sự) và kinh tế (thời gian khủng hoảng kinh tế ở cuối thập niên 90). Bước vào thế kỷ XXI tình trạng này vẫn tiếp diễn. Ví dụ, năm 2000 - gần 70 nghìn người, năm 2001 - gần 50 nghìn người rời bỏ Argentina ra nước ngoài kiếm sống. Tổng số người xuất cảnh ở hai năm này bằng khoảng 1/5 tổng số người ra nước ngoài kiếm ăn ở nửa cuối thế kỷ XX. Bốn tháng đầu năm 2003 - khoảng 50 nghìn lao động Argentina ra nước ngoài làm ăn.

Ecuador cũng có tình trạng tương tự. Tính đến cuối năm 2002 có khoảng 860 nghìn lao động Ecuador sang Mỹ kiếm ăn, trong đó ở New York khoảng 600 nghìn người, Chicago - 100 nghìn người, Los Angeles - 100 nghìn người, và Washington - 60 nghìn người; còn sang Tây Ban Nha là trên 350 nghìn người. Lý do chủ yếu người dân ra đi ở đây là do kinh tế nước này ngày càng xấu đi.

Còn ở Columbia người dân ra đi vì nội tình bất ổn. Xung đột vũ trang và nạn khủng bố trong thời gian 1996-2001 đã khiến 1.355.877 người dân phải rời tổ quốc. Theo số liệu năm 2000, gần 3,5 triệu dân Colombia đã phải ra nước ngoài kiếm sống vì nhiều lý do khác nhau, trong đó nhiều nhất là sang Mỹ - tới 46%; sang Venezuela - 32,3%; sang Tây Ban Nha - 6,5%; sang Australia và Israel - 0,4%; sang Nhật - 0,3%.

Đặc biệt phải nói đến tình trạng di cư bất hợp pháp, không có các giấy tờ tùy thân cần thiết đã vượt biên gặp không ít rủi ro, đôi khi đe dọa tính mạng. Chỉ riêng năm 2002 khi vượt biên không hợp pháp sang

Mỹ và Mexico đã có khoảng 300 người bị thiệt mạng. Đó là chưa kể nạn buôn người ở Columbia - mỗi người bị bán ra nước ngoài, con buôn ở đây thu được 8 nghìn USD.

Dân MLT di cư hợp và bất hợp pháp hiện nay chủ yếu sang Mỹ, số ít sang châu Âu. Nhưng, sau sự cố ngày 11-9-2001, hai xứ sở này truy lùng mạnh những người di cư bất hợp pháp từ khu vực MLT và xiết chặt quyền đi lại, cư trú của họ. Tuy nhiên, làn sóng di cư trong những năm vừa qua vẫn không ngừng tăng lên theo đà hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu hoá giữa các nền kinh tế.

Tháng 12/2002 tại thành phố Salvador (Brazil), Bộ Trưởng Tư pháp và Ngoại giao các nước thành viên MERCOSUR cùng Bolivia và Chile đã thông qua thoả thuận hợp pháp hoá hàng trăm nghìn dân di cư bất hợp pháp đang sinh sống ở các nước này. Ví dụ, theo Bộ trưởng Tư pháp Brazil, hiện nay khoảng 300 nghìn dân Brazil đang sống ở Paraguay. Về phần mình, Brazil cũng đang chứa khoảng 1/2 triệu người di cư bất hợp pháp, trong đó, từ Paraguay là khoảng 100 nghìn người, từ Bolivia vào khoảng 200 nghìn người.

Lợi ích liên minh kinh tế đã tạo ra cho cuộc sống nhiều hình thức làm ăn mới - đó là việc tạm chuyển doanh nghiệp đến nơi khác, nước khác có các điều kiện làm ăn thuận lợi hơn, vừa tận dụng, khai thác được các lợi thế tự nhiên (tài nguyên phong phú, nhân công rẻ mạt), vừa tạo được công ăn việc làm cho người lao động bản xứ, gắn được lợi ích của họ với lợi ích lâu dài của các nhà doanh nghiệp, góp phần tránh và giảm được tình trạng di chuyển nhân lực bất hợp pháp.

Cho đến nay mục tiêu cuối cùng của đa số dân MLT ra nước ngoài làm

ăn vẫn là muốn đến Mỹ, chủ yếu có lẽ vì tiền công lao động ở Mỹ cao hơn, đời sống khá giả hơn. Ví dụ, vào cuối thập niên 90 vừa qua, thu nhập tính theo đầu người ở Mỹ cao gấp 6 lần ở Mexico, giờ công lao động trong công nghiệp ở Mỹ bình quân trong thập niên 90 là 16 USD so với 2,40 USD ở Mexico. Điều này cắt nghĩa tại sao trong số 13 triệu người MLT đến Mỹ kiếm ăn, thì dân Mexico chiếm 53%. Tính đến đầu thế kỷ XXI số dân MLT di cư đến Mỹ là 20,6 triệu người.

Báo giới cho rằng mục tiêu cuối cùng của dân MLT ra nước ngoài kiếm sống cho đến nay vẫn là vào Mỹ. Xin nói thêm rằng, ở Mỹ tính tới thời điểm điều tra dân số năm 2000 của nước này có tới 37 triệu người nói tiếng Tây Ban Nha sinh sống, chiếm 12,5% dân số Mỹ. Số người này hiện nay tăng khá nhanh vì bình quân mỗi gia đình người nói tiếng Tây Ban Nha ở Mỹ sinh 3 con so với 2 con của người dân nói tiếng Anh và của người Mỹ lai. Nếu cứ đà này sau 50 năm nữa, số người nói tiếng Tây Ban Nha ở Mỹ có thể sẽ lên tới 100 triệu.

Vị trí địa lý của Mexico đã đặt nước này vào nơi trung chuyển những người di cư từ khu vực Trung MLT tới nước Mỹ, buộc chính phủ Mexico phải cấp visa quá cảnh nước mình hàng năm vào khoảng 70 nghìn người. Còn số quá cảnh bất hợp pháp không ngừng tăng. Chính quyền Mexico đã truy lùng số này trả về nước họ - năm 1998 là trên 84 nghìn người, năm 2000 là 144 nghìn người.

Cùng với việc đóng cửa biên giới, cấm nhập cư, chính quyền Mỹ khuyến khích các doanh nghiệp liên doanh với Mexico, thành lập các liên doanh nhỏ ở các vùng giáp biên giới giữa hai nước. Nhờ vậy đã ngăn ngừa và giảm được dòng người lao động di cư bất

hợp pháp vào Mỹ. Các liên doanh này đã góp phần phát triển kinh tế và ổn định xã hội của Mexico, nhưng cũng không tránh khỏi những tiêu cực vì còn phụ thuộc nhiều vào Mỹ. Ví dụ, vào những tháng đầu năm 2001, khi nền kinh tế Mỹ bị trì trệ, Mỹ đã đóng cửa 440 doanh nghiệp của mình liên doanh trên đất Mexico, sa thải 120 nghìn lao động. Hơn nữa, giữa tiền công và thời gian lao động của liên doanh trên đất Mexico và doanh nghiệp ở Mỹ khác nhau nhiều, khiến những người làm thuê ở các liên doanh này muốn tìm cách sang Mỹ để kiếm thu nhập cao hơn.

Nguyên nhân kinh tế - xã hội

Thực tế xáo trộn nhân lực của thế giới cho thấy rằng, vấn đề đói nghèo, thất nghiệp và tiền công lao động thấp bao giờ cũng là nguyên nhân cơ bản để người ta phải rời bỏ quê hương, tổ ấm đến nơi xa lạ, đất khách quê người kiếm ăn. Còn giờ đây trong điều kiện tiến bộ khoa học công nghệ như vũ bão, hiện đại hoá sản xuất cùng với những hậu quả kinh tế - chính trị - xã hội cũng là yếu tố góp phần phá vỡ các quan hệ lao động truyền thống, hỗ trợ lẫn nhau giữa nhà nước, người lao động và doanh nghiệp (vốn).

Trong nền kinh tế thị trường, vai trò của nhà nước trong việc phát triển kinh tế đang bị giảm. Những cuộc cải tổ luật lao động ở thập niên 90 vừa qua nhằm phù hợp với thông lệ quốc tế trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu ngày một tăng đã góp phần làm cho thị trường lao động sôi động hơn, trong đó phải kể đến vấn đề thuê lao động, sa thải công nhân và tìm vốn để tạo việc làm.

Nếu vẫn giữ các truyền thống xưa để giải quyết vấn đề này thì trước

hết phải nói đến vốn vì những cuộc cạnh tranh gay gắt trên thị trường quốc tế ngày nay buộc người ta phải dùng vốn làm phương tiện đạt năng suất cao nhất với chi phí nhân công ít nhất. Do vậy đòi hỏi phải cải tổ sản xuất, quản lý các quan hệ lao động.

Cơ cấu lại nền kinh tế đã làm thay đổi mạnh công tác tổ chức và bản thân quan điểm lao động. Trong điều kiện thất nghiệp hàng loạt và bất ổn xã hội tràn lan, vấn đề ký hợp đồng lao động ngắn hạn, thuê nhân công tạm thời, thời vụ đưa ra nhiều lý do để huỷ bỏ hợp đồng lao động, giảm trợ cấp thôi việc, hạn chế quyền nghỉ ngơi lúc ốm đau v.v... đã trở thành chuyện bình thường.

Thuê nhân công tạm thời, làm việc không ký hợp đồng là tình trạng phổ biến ở các nước trong thập niên 90 vừa qua, nhất là ở những doanh nghiệp nhỏ, dưới 5 lao động, và ở lĩnh vực dịch vụ thuê lao động phổ thông và phụ nữ dưới 30 tuổi. Cách làm này cho phép giới chủ giảm tiền thuê xuống còn 41% lao động chính ngạch có hợp đồng; đó là chưa kể người làm thuê tạm thời không được hưởng quyền lợi bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội.

Đến cuối thập niên 90 vừa qua ở khu vực MLT số lao động thời vụ, không hợp đồng bình quân chiếm trên 60% số lao động làm thuê ở các doanh nghiệp nhỏ, trong đó, cao nhất là ở Bolivia và Paraguay - 90%; Argentina, Brazil, El Salvador, Mexico và Venezuela - trên 30%; Chile và Costa Rica - 20%.

Ở thập niên này số lao động trong khu vực kinh tế phi hình thức cũng vấp phải tình trạng tương tự, cứ 10 người tham gia thị trường lao động, thì 8 người làm việc ở khu vực này vì 68,5% chỗ làm việc mới do khu vực này tạo ra.

Như vậy, khu vực kinh tế phi hình thức đã cứu mang phần lớn số người có khả năng lao động. Bởi thế không phải ngẫu nhiên mà trong thời gian khủng hoảng kinh tế khu vực này có chiều hướng mở rộng hoạt động trên khắp thế giới. Đặc điểm của công ăn việc làm trong khu vực kinh tế thị trường phi hình thức là không ổn định, thiếu niềm tin vào tương lai, mặc dù khu vực này có khả năng tạo công ăn việc làm và cứu mang nhiều gia đình trong điều kiện hết sức phức tạp của thời kỳ chuyển đổi. Tuy nhiên, công ăn việc làm thiếu tương lai, không ổn định cũng là động lực kích thích tìm việc làm và chỗ sinh sống mới.

Thay đổi cơ cấu việc làm đang biến vấn đề thất nghiệp vốn đã trầm trọng, lại càng trầm trọng hơn ở khu vực MLT. Phần đông những người có khả năng lao động thích nghi nhanh với các điều kiện mới của nền kinh tế thị trường do họ tìm được việc làm ở bất kỳ nơi nào cần lao động, ở cả các doanh nghiệp lớn, nhỏ, cũ, mới hiện đại, kể cả ở khu vực kinh tế phi hình thức và dịch vụ.

Hiện nay đội quân lao động không việc làm thường xuyên được bổ sung bởi cung nhiều hơn cầu trên thị trường lao động. Trong 10 năm qua, bình quân hàng năm cung tăng 2,6% nhưng cầu chỉ bằng 2,2%. Trong khi ấy GDP bình quân hàng năm trong thời gian này của khu vực MLT chỉ tăng 3,2%, chẳng những tăng không ổn định, mà còn không đủ thu nạp toàn bộ số lao động nhàn rỗi. Theo tính toán của Ủy ban Kinh tế MLT thuộc Liên hiệp quốc, để giải quyết được vấn đề này, hàng năm GDP của khu vực phải tăng ít nhất là 6%.

Thất nghiệp ở mỗi nước trong khu vực đều mang sắc thái riêng về quy

mô, khuynh hướng và tương quan giữa các yếu tố sinh ra thất nghiệp. Ở đây năm 2000, những nước có tỷ lệ thất nghiệp cao (15-20%) và thường xuyên tăng gồm Argentina, Columbia, Ecuador, Uruguay và Venezuela. Ví dụ, ở Argentina năm 2001, nếu tính cả thất nghiệp công khai và thất nghiệp ngầm thì khoảng 40% số người có khả năng lao động gặp khó khăn trong lĩnh vực kiếm việc làm so với 7,1% ở năm 1989 - năm bắt đầu chuyển đổi cơ cấu nền kinh tế. Ngược lại, tình hình thất nghiệp ở Mexico và đa số nước khu vực Trung Mỹ và Caribbean lại giảm, chủ yếu nhờ ở đây có truyền thống di cư ổn định, lại có các cơ chế và hệ thống thông tin đáng tin cậy.

Trong thập niên 90 vấn đề thất nghiệp có những nét mới, chung cho cả khu vực. Đó là đội quân thất nghiệp có mặt ở cả tầng lớp trung lưu, thời gian kiếm được việc làm dài hơn, lương của người kiếm được việc làm ở lần thất nghiệp thứ hai thường bị giảm. Số lượng phụ nữ và lớp trẻ bị thất nghiệp tăng - phụ nữ từ 5,1% năm 1990 tăng lên 11,2% năm 2000, lớp trẻ (từ 15 đến 24 tuổi) bị thất nghiệp gần 25% là nguyên nhân của tình trạng di chuyển nhân lực hiện nay. Còn nguyên nhân khác làm cho làn sóng di cư xảy ra ở nhiều nước - đó là nạn đói nghèo, phân phối thu nhập không hợp lý, y tế và giáo dục bất cập v.v...

Do vậy, các nhà xã hội học cho rằng, trong quá trình hiện đại hóa nền kinh tế, nếu không phải giải quyết tốt các vấn đề xã hội thì sẽ tạo ra các tiền đề để nhiều người bị thiệt thòi về quyền lợi xã hội. Tuy nhiên, đối với khu vực MLT, đói nghèo mang tính truyền thống, nhưng trong điều kiện môi trường mới đói nghèo mang

tính cơ cấu, cho nên xã hội hoá vấn đề đói nghèo chưa đủ để giải quyết, ngăn chặn làn sóng di chuyển nhân lực, vì theo số liệu của Ngân hàng Thế giới, ở khu vực MLT năm 1999 có khoảng 1/3 dân số sống ở mức dưới 2 USD/ngày, 76 triệu người sống dưới 1 USD/ngày với giá sinh hoạt lúc đó số tiền này không đủ để họ mua lương thực thực phẩm cho cuộc sống hàng ngày. Đó là chưa kể các gia đình bản cùng đang sống trong các ngôi nhà ổ chuột không đủ nước sạch để sinh hoạt hàng ngày. Năm 2002 khu vực MLT có tới 221,4 triệu người hay 44% dân số bị xếp vào loại đói nghèo.

Xin nói thêm rằng, tiêu chuẩn đói nghèo theo chuẩn mực của IMF luôn thay đổi theo thời gian tùy thuộc vào tình hình phát triển kinh tế thế giới, vào những thành tựu tiến bộ khoa học - công nghệ, vào mức độ nâng cao chất lượng cuộc sống và cải thiện kết cấu hạ tầng, v.v...

Theo đánh giá của Ủy ban Kinh tế MLT, Nicaragua và Honduras có tỷ lệ đói nghèo cao nhất, và nước có tỷ lệ thấp nhất là Uruguay, nhưng tỷ lệ người ốm yếu bệnh tật ở Honduras và Uruguay lại như nhau.

Giữa tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ đói nghèo có quan hệ trực tiếp với nhau, những quan hệ này không đi theo đường thẳng. Thông thường, tăng GDP/người là giảm mức đói nghèo. Mọi biến đổi tình hình ở đây trước hết là ở địa vị của lớp người ít được bảo đảm cuộc sống. Hiệu quả và tác động đấu tranh chống đói nghèo còn phụ thuộc vào hiệu lực của một loạt yếu tố. Ở đây, ngoài tăng trưởng kinh tế, còn gồm cả yếu tố dân số, đặc điểm phát triển của ngành nghề, thị trường lao động và hiệu quả của chính sách xã hội v.v... Cho đến nay các

nước MLT đã đạt được kết quả ở mức độ khác nhau trong việc giải quyết vấn đề này.

Năm 1999 về chỉ tiêu tuyệt đối, số người đói nghèo ở thành thị khu vực MLT nhiều hơn gần 2 lần số người nghèo ở nông thôn, nhưng tỷ lệ người nghèo ở nông thôn lại cao hơn thành thị. Sở dĩ như vậy chủ yếu là do số người nghèo thành thị luôn được bổ sung bởi dòng người rời bỏ ruộng đồng tới đây. Các nhà xã hội học gọi đây là hiện tượng đô thị hoá người nghèo. Có điều đáng nói là những người rời bỏ ruộng đồng, quê hương bản quán ra thành phố kiếm ăn nhưng lại khó thích nghi với các điều kiện, môi trường mới, chậm hoà nhập với môi trường thành thị, đang tạo ra hiểm hoạ của căng thẳng xã hội.

Theo điều tra mới đây của Ủy ban Kinh tế MLT, nguyên nhân nổi bật của tình trạng đói nghèo trong thời kỳ chuyển đổi nền kinh tế là: tỷ lệ thất nghiệp cao, thu nhập và học vấn thấp. Các chuyên gia uỷ ban này cho rằng, bản thân yếu tố công ăn việc làm không thể cứu được đông đảo người có khả năng lao động thoát khỏi đói nghèo vì tiền công lao động thấp.

Trong thập niên 90, mặc dù nhiều nước đã nâng lượng công nhận viên chức của mình, nhưng tỷ lệ đói nghèo ở đây vẫn còn cao. Ví dụ, ở Bolivia, Costa Rica, Panama và Uruguay, lao động làm thuê trong khu vực nhà nước chiếm 10% người nghèo thành thị có việc làm; ở Venezuela chiếm 20%. Đặc biệt ở Bolivia, Honduras và Venezuela có tới 30-40% viên chức nhà nước sống ở ngưỡng đói nghèo; còn ở Columbia và Paraguay - khoảng 15%. Người lương thấp trong số các viên chức nhà nước cũng có tỷ lệ ốm yếu, bệnh tật cao.

Phần lớn lao động làm thêm ở khu vực tư nhân, kể cả ở các doanh nghiệp vừa và lớn cũng thuộc loại lương thấp. Xin nói thêm rằng, tình hình cuộc sống của người làm thuê không tay nghề ở khu vực tư nhân cũng không hơn gì những người làm thuê ở khu vực phi hình thức. Quá nửa số quốc gia khu vực MLT có khoảng 30-50% lao động làm thuê khu vực tư nhân đang sống trong hoàn cảnh gia đình nghèo đói; còn ở Argentina và Uruguay là 10%, ở Honduras là 60%

Ở đây phải nói đến vai trò của doanh nghiệp nhỏ và kinh doanh mini (dưới 5 lao động) trong việc xoá đói giảm nghèo, giảm thất nghiệp. Đến cuối thập niên 90, loại doanh nghiệp này đã thu hút được gần 1/2 số lao động làm thuê ở thành thị, nhưng chưa được nhà nước quan tâm giúp đỡ. Mặc dù quá trình hiện đại hoá mới bắt đầu ở khu vực, nhưng tỷ trọng doanh nghiệp này trong nền kinh tế khá cao.

Khuynh hướng giảm dần công việc làm ở các doanh nghiệp nhỏ mới xuất hiện ở Argentina, Chile, Brazil và Uruguay. Điều này có nghĩa rằng, phần lớn lao động làm thuê đã tìm được việc làm, nhưng vì lương thấp, việc làm thiếu ổn định, thiếu niềm tin vào tương lai và ít khả năng xoá đói giảm nghèo, cho nên những người lao động ở đây luôn là đội quân hậu bị của phong trào di chuyển nhân lực. Trình độ học vấn thấp cũng góp phần quan trọng vào việc phát sinh, duy trì nạn đói nghèo. "Đói nghèo - thất học - đói nghèo" là cái vòng luẩn quẩn ảnh hưởng xấu đến thế hệ kế cận và mai sau. Đây là vấn đề cần được khắc phục nếu thấy rằng, trên 83 triệu trẻ em dưới 15 tuổi ở khu vực MLT đang sống trong hoàn cảnh gia đình đói nghèo, còn người lớn chỉ mới học hết lớp 6.

Do vậy, các chuyên gia Ủy Ban Kinh tế MLT cho rằng, nếu khắc phục được tình trạng mù chữ, thất học và phổ cập được trung học thì có khả năng cứu thoát được trên 80% số người đói nghèo. Kinh nghiệm của Brazil và Chile cho thấy rằng, chống đói nghèo phải gắn chặt với phát triển giáo dục. Bằng cách kết hợp hai yếu tố này trong chính sách xã hội của mình, chính phủ của ông Cadozo (Brazil) đã giảm được 1/3 số người đói nghèo ở nước mình. Còn Chile lại lấy giáo dục làm biện pháp chính để chống đói nghèo.

Xã hội hậu công nghiệp đòi hỏi người lao động phải có học vấn và tay nghề được đào tạo càng cao càng tốt. Học vấn cao chẳng những góp phần san bằng các khả năng tiếp cận thị trường lao động, nâng cao khả năng cơ động của xã hội, mà còn cho phép giải quyết được vấn đề đói nghèo, giảm thiểu dân số, đạt sự đồng nhất cao trong xã hội. Do vậy, các chính phủ, các tổ chức quốc tế, khu vực và xã hội luôn quan tâm đến vấn đề giáo dục và tài trợ cho giáo dục. Còn ở khu vực MLT phát triển và hoàn thiện giáo dục đã trở thành phương châm chiến lược quan trọng trong chính sách xoá đói giảm nghèo ở cuối thế kỷ XX.

Bên cạnh đói nghèo, tình trạng bất bình đẳng về thu nhập cũng là nguyên nhân khiến nhân lực di chuyển được sang các nước phát triển. Ở khu vực MLT, thu nhập của 10% số gia đình giàu nhất cao hơn 19 lần thu nhập của 40% số gia đình nghèo nhất; còn tăng trưởng kinh tế ở thập niên 90 không giúp phân phối lại thu nhập cho xã hội, bởi vì giữa phát triển kinh tế và giảm tập trung thu nhập không gắn bó trực tiếp với nhau. Ở đây mỗi nước có cách riêng để giải quyết vấn

đề trái ngược nhau về thu nhập và bất bình đẳng về thu nhập. Tuy phần lớn thu nhập xã hội còn trong tay số ít người giàu có, nhưng các nước vùng Trung MLT đã có một số tiến bộ trong việc giải quyết vấn đề phân phối thu nhập. Đó là cho phép di chuyển nhân lực từ vùng nghèo đói sang vùng giàu có, để làm ăn. Nhờ vậy đã giảm bớt tình trạng tương phản xã hội. Ngoài ra, bất bình đẳng về thu nhập và đói nghèo khiến cho những người thu nhập thấp ít được hưởng những thành quả của tiến bộ khoa học công nghệ nên sinh ra bất mãn với thời cuộc, nhiều khi làm căng thẳng thêm xã hội, gây hậu quả chính trị không lường. Đó là cơ sở để nhà xã hội học Mỹ, R. Caufman cho rằng, nơi nào học vấn, nghề nghiệp, tiền của và các quan hệ xã hội chỉ tập trung vào tay một số gia đình giàu có, nơi ấy không tránh khỏi tập trung quyền lực và do vậy phá vỡ cơ sở của nền dân chủ chân chính. Thực tế cho thấy rằng, mỗi vùng dân cư của các đô thị lại có những phong cách, lối sống riêng tùy thuộc của cải tập trung vào nhóm xã hội nào. Mỗi thế hệ trẻ kế cận về cơ bản sẽ chịu ảnh hưởng lối sống của thế hệ đi trước vì "gần mực thì đen, gần đèn thì rạng", "ở bầu thì tròn, ở ống thì dài".

Cũng như ở nhiều nơi trên thế giới, ở khu vực MLT bộ phận nhạy cảm nhất đối với bất công xã hội là lớp người trẻ, nhất là những thanh niên xuất thân từ những gia đình nghèo đói, túng thiếu. So với các bậc tiền bối, với lớp cha anh, lớp trẻ ngày nay có học vấn cao hơn được tiếp cận nhiều thông tin kinh tế xã hội hơn, nhất là những thông tin quảng bá về huyền thoại tiêu dùng, về cuộc sống "tươi đẹp" ở nước ngoài.

Do số thanh niên xuất thân từ hoàn cảnh túng thiếu đều bất bình với kết quả của những cuộc cải cách kinh tế - xã hội theo kiểu tự do mới, trong đó có người lao vào làm ăn bất hợp pháp nhằm đổi đời, một số thì thờ ơ, lãnh đạm với thời cuộc nằm im, phó mặc sự đời; tích cực hơn và năng động hơn là lớp người có học vấn cao hơn, họ đã tìm mọi cách kể cả vượt biên trái phép, ra nước ngoài với hy vọng bằng sức lực trí tuệ của mình sẽ tự đổi đời cho mình, được khi nhờ Chúa cứu.

Tiêu biểu cho lớp trẻ năng nổ, tháo vát ấy là thanh niên Uruguay. Mặc dù thu nhập trên đầu người ở nước này cao hơn nhiều trong khu vực, nhưng họ đã tìm mọi cách xuất cảnh ra nước ngoài làm ăn kiếm thu nhập cho bản thân và cho đất nước, nhằm góp phần xoá đói giảm nghèo cho quê hương xứ sở. Nhờ vậy mà tỷ lệ đói nghèo năm 1999 của Uruguay còn 9,4% so với 29,7% của Argentina, 20,6% của Chile và 79,7% của Honduras. Còn GDP/người của Uruguay năm 1990 là 4.707 USD, năm 1999 là 5.982 USD so với 700 USD/người của Nicaragua và Honduras.

Về mặt phúc lợi xã hội trong thời gian 1990 - 1999, Uruguay cũng đứng đầu khu vực MLT, chỉ có Argentina và Brazil là gần đuổi kịp. Ví dụ, ngân sách Uruguay dành cho phúc lợi xã hội trong thời gian 1990 - 1991 là 11,2%, trong thời gian 1998 - 1999 là 16,3%.

Tuy rằng những chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Uruguay cao hơn nhiều so với các nước khu vực MLT, nhưng vào cuối thế kỷ 20 nước này đã trải qua thời kỳ khủng hoảng mà một trong những nguyên nhân của nó là tình trạng đua nhau xuất cảnh kiếm ăn của quốc gia đất hẹp (186,9 nghìn km²), người thưa này (năm 1968 - 2,82

triệu người, tháng 7/1999 - 3,308 triệu người). Xin nói thêm rằng, trong cuộc điều tra xã hội học năm 2000 vừa qua, 1/5 số người được hỏi trả lời sẵn sàng xuất cảnh lần thứ hai kiếm ăn, nếu được đảm bảo đi về thuận lợi, trong đó 67% lớp trẻ dưới 27 tuổi vẫn thích xuất ngoại, nhưng chỉ sợ khó kiếm việc làm.

Do vậy vấn đề xuất cảnh kiếm sống đang được báo giới, chính giới và các nhà xã hội học Uruguay thảo luận sôi nổi hiện nay. Bởi vì những người có khả năng lao động xuất cảnh hàng loạt có thể sẽ gây ra hậu quả khôn lường cho tương lai của đất nước.

Các tổ chức quốc tế cũng quan tâm đến vấn đề này của Uruguay. Sau khi nghiên cứu các số liệu thống kê của Uruguay để tìm hiểu nguyên nhân của khủng hoảng xã hội, người lao động thích bỏ quê hương xứ sở ra nước ngoài kiếm sống, các chuyên gia tổ chức lao động quốc tế (ILO) cho rằng, nguyên nhân chính ở đây là bất bình đẳng xã hội trong mọi lĩnh vực đời sống. Ví dụ, thực tế thất nghiệp ở Uruguay bao gồm mọi tầng lớp lao động xã hội, nhưng trong 20% nhóm người có thu nhập thấp nhất thì thất nghiệp cao hơn 5 lần so với 20% nhóm người có thu nhập thấp được bảo đảm nhất. Trong lĩnh vực hưởng thụ giáo dục, sự khác nhau giữa hai nhóm này tăng chủ yếu vì lớp thành viên ở nhóm thứ nhất buộc phải bỏ học để lao động kiếm ăn. Vào giữa thập niên 90, tỷ lệ đói nghèo ở Uruguay có khuynh hướng giảm, nhưng đến cuối thập niên này bị chững lại. Ở đây xin chú ý là, các chuyên gia Ủy ban Kinh tế MLT tính số đói nghèo trên cơ sở thu nhập thực tế trên đầu người và một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội khác;

còn các chuyên gia ILO lại xác định số đối nghèo trên cơ sở số liệu thống kê trong thập niên 90 của Uruguay, cho nên tỷ lệ đối nghèo của mỗi bên một khác, của các chuyên gia ILO cao hơn 4 lần của Ủy ban Kinh tế MLT.

Hoàn toàn trái với truyền thống, kinh phí dành cho giáo dục trong thập niên 90 của Uruguay tăng chậm, đến cuối thập niên này thấp hơn mức bình quân của khu vực vì ít được học hành cho nên có tới 45% số thanh niên bị xếp vào loại đối nghèo.

Theo điều tra xã hội học năm 1999, 66% số người Uruguay cho rằng, vấn đề chính là chưa tìm được việc làm vì thất nghiệp có chiều hướng gia tăng, năm 1999 chiếm 11,8%, năm 2000 - 13,5%. Khoảng 48 - 52% số người có khả năng lao động có việc làm không ổn định. Tuy nhiên, xét trên quan điểm tìm quy luật chung cho phát triển kinh tế và giải quyết các vấn đề xã hội của khu vực MLT, mô hình Uruguay đáng được quan tâm tham khảo.

Lợi hại của xuất cảnh lao động

Hiện nay ở Khu vực MLT có một nghịch lý là trong khi phải thuê các chuyên gia, các nhà quản lý nước ngoài về làm tư vấn trong lĩnh vực khoa học - công nghệ, vận hành máy móc và quản lý doanh nghiệp cho mình thì chính các chuyên gia, các nhà quản lý nước mình lại phải ra nước ngoài kiếm sống vì nhiều lý do, trong đó có lý do họ được đãi ngộ quá thấp, trí tuệ của họ bị xem thường. Ví dụ, tiền công bình quân 1 giờ trong công nghiệp của Mỹ là 16 USD, còn ở Mexico là 2,4 USD. Tuy nhiên, nhiều chuyên gia kinh tế và nhà xã hội học đều thống nhất cho rằng, xuất khẩu nhân lực vừa có mặt tốt lại vừa có mặt xấu đối với nước có người ra nước

ngoài kiếm sống, nhưng thông thường thì lợi bất cập hại, nhất là ở những nước để các kỹ sư, các kỹ thuật, công nhân lành nghề của mình phải bỏ quê hương xứ sở đi kiếm ăn vừa làm mất nguồn lao động có tay nghề được đào tạo, vừa bị rò rỉ chất xám không dễ kiếm được.

Các chuyên gia IMF ước tính rằng, hiện nay để đào tạo một kỹ sư, một nhà quản lý, thành chuyên gia làm được việc bình quân nhà nước phải chi ra ít nhất 30 nghìn USD. Còn nhà xã hội học Argentina L. Marmor cho biết tỷ lệ bình quân giữa chi của nhà nước để đào tạo một chuyên gia và thu do chuyên gia này làm ăn ở nước ngoài gửi tiền về cho tổ quốc là 5/1, nghĩa là sau 25 năm làm việc ở nước ngoài gửi tiền về đều đặn mới có thể hoàn lại số kinh phí mà Tổ quốc đã nuôi mình ăn học thành nghề.

Tổng điều tra dân số Mexico năm 2000 cho biết rằng, hàng năm Mexico có khoảng 310 nghìn người ra nước ngoài kiếm ăn (số liệu không chính thức là 450 nghìn), trong đó, lứa tuổi 15 - 45 là lớp lao động đang sung sức ra đi khá nhiều vào cuối thập niên 90. Còn tỷ lệ lớp trẻ dưới 15 tuổi đang giảm - từ 46% vào năm 1970 xuống còn 34% vào năm 2000. Trong thời gian này tuổi thọ ở Mexico - nam tăng từ 58 lên 73 tuổi, nữ từ 61 - 77 tuổi, nghĩa là Mexico đã và đang mất dần nguồn lao động trẻ, kể cả được đào tạo, đầy tiềm năng.

Tình trạng này cũng xảy ra ở nhiều nước khu vực MLT, trong đó có Peru, chỉ có điều khác là ở Peru lứa tuổi 18 - 20, đã tốt nghiệp phổ thông, đang bước vào đại học và lớp người đã tốt nghiệp đại học, cao đẳng cũng ra nước ngoài kiếm ăn ngày một nhiều. Ví dụ, năm 1999 là 71 nghìn người, năm 2000 là 184 nghìn và năm 2003 là 300

nghìn người. Ở Salvadol trong thập niên 80 có tới 15% nguồn lực lao động xuất cảnh kiếm ăn, chủ yếu là nam giới tuổi 20-29, có học vấn cao, v.v...

Các chuyên gia Ủy ban Kinh tế còn cho biết, năm 1999 trong số 19 triệu người ở các khu đô thị của 19 nước khu vực MLT thì 4,5 triệu người không được Tổ quốc sử dụng đúng nghề nghiệp của họ. Do vậy nhiều chuyên gia có tay nghề cao đã coi một trong các lối thoát khỏi tình trạng này là ra nước ngoài kiếm ăn. Trong điều kiện công nghệ ngày càng tiến bộ, thì khả năng thị trường lao động thế giới chấp nhận các chuyên gia loại này là rất cao. Đây cũng là nguyên nhân để khu vực MLT "rò rỉ" chất xám khá nhiều ở cuối thập niên 90.

Tuy nhiên, ở đây cũng phải nói thêm rằng ngoài nhu cầu kiếm việc làm phù hợp, tiên công cao để cải thiện điều kiện sinh hoạt cho bản thân và gia đình, lớp trẻ có học vấn cao cũng muốn ra nước ngoài vừa kiếm ăn, vừa cập nhập những tiến bộ khoa học công nghệ của thế giới để bổ sung cho những kiến thức của mình. Một trong những biểu hiện tình trạng lạc hậu về khoa học công nghệ của khu vực MLT là tỷ lệ người dân tiếp cận mạng Internet còn quá thấp, nếu vào năm 2000 con số này ở Mỹ là 26% thì bình quân của khu vực MLT là 0,8%. Trong khi đó các nước phát triển luôn luôn mở cửa, khuyến khích đón chào, tiếp nhận những người nhập cư là tri thức của các ngành kinh tế, nhất là của các ngành khoa học công nghệ cao. Ví dụ cuối thập niên 60, Canada thực hiện chính sách đa văn hoá, hoan nghênh những người được đào tạo, có học vấn khoa học công nghệ nhập cư vào nước mình

nhất là từ khu vực MLT và châu Á. Mỹ và châu Âu cũng có tình trạng tương tự.

Hiện nay nhiều công ty doanh nghiệp Mỹ, Canada đang "săn lùng tài năng" trên khắp toàn cầu, trước hết là ở các nước MLT như Argentina, Uruguay, Mexico, Venezuela... Ví dụ, năm 1999 nhiều đại diện của các công ty nguồn quốc gia đã đến hơn 450 trường đại học ở Mexico săn lùng các chuyên gia đầu đàn trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Hiện nay quá 1/2 số lao động Peru sang Mỹ kiếm sống, có trình độ kỹ thuật cao, làm những công việc kỹ sư Mỹ vẫn làm.

Xuất khẩu lao động có mặt tốt nhưng cũng có mặt chưa tốt, nhất là xuất khẩu những người tay nghề cao. Theo các chuyên gia kinh tế thì lợi bất cập hại đối với nước xuất nhân lực.

Trước đây các nước MLT đã chưa thấy hết được những tổn thất lớn lao vì lao động có kỹ thuật, tay nghề cao cũng tham gia xuất khẩu để đổi đời. Tuy nhiên, gần đây các nước MLT đua nhau xem xét lại thực trạng này và chấn chỉnh chính sách đãi ngộ của mình đối với những người lao động, nhất là lao động khoa học kỹ thuật nhằm ngăn ngừa tình trạng "rò rỉ chất xám". Ví dụ, Đại hội các trường đại học MLT lần thứ 14 (tháng 16/2001 ở Guatemala) đã ra tuyên cáo chung, trong đó, đề cập đến những tổn thất kinh tế vì lao động khoa học, kỹ thuật bỏ ra nước ngoài kiếm ăn và nhấn mạnh cần có những chính sách, biện pháp thiết thực để cải thiện công ăn việc làm, điều kiện sinh hoạt cho lao động khoa học để giữ họ lại phục vụ tổ quốc.

Hội nghị chuyên đề "Tiên do lao động nước ngoài gửi về khu vực MLT" do IMF và IBRD (Ngân hàng Tái thiết

và phát triển) đồng tổ chức tháng 5/2001 cho biết, gần 90% số tiền lao động nước ngoài gửi về là của 12 nước, gồm Brazil, Columbia, Ecuador, Peru và nhiều nước Trung Mỹ. Năm 2000, số tiền gửi về nước là trên 20 tỷ USD, tương đương 1/3 vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) vào khu vực này.

Theo đánh giá của các chuyên gia IMF, hiện nay ở khu vực MLT số tiền lao động nước ngoài gửi về bình quân hàng năm tăng 7 - 10%, ở Ecuador, Columbia và Veneznela còn cao hơn. Năm 2002 tổng số tiền lao động nước ngoài gửi về MLT là 32 tỷ USD so với 39 tỷ USD FDI vào đây. Còn theo tài liệu điều tra của ILO, tiền lao động nước ngoài gửi về ít hơn thu nhập từ việc bán dầu mỏ nhưng lại nhiều hơn thu nhập về du lịch và xuất khẩu truyền thống của khu vực MLT. Ví dụ, ở Mexico trong thập niên 90 tổng số tiền gửi về tăng 3,5 lần, năm 1999 là gần 4 tỷ USD, năm 2002 là trên 2,5 tỷ USD, ít hơn thu nhập từ xuất khẩu dầu mỏ, nhưng lại cao hơn thu nhập từ xuất khẩu nông sản. Năm 2000 tiền gửi về Mexico tương đương 50% FDI vào nước này. Ở El Salvador đầu thập niên 90 tiền lao động nước ngoài gửi về cao hơn thu nhập từ xuất khẩu dầu mỏ, cho phép giảm tỷ lệ đói nghèo và thất nghiệp. Ở Columbia trong những năm vừa qua số tiền lao động nước ngoài gửi về góp phần làm tăng khối lượng và vai trò của ngoại tệ trong nền kinh tế trong thời gian 1999 - 2000, số tiền lao động nước ngoài gửi về nhiều hơn 2,3 lần kim ngạch xuất khẩu cà phê, vào năm 2002 tương đương 87% FDI vào nước này, tương đương 38,8% nợ nước ngoài của nhà nước, và 53,8% nợ nước ngoài của khu vực tư doanh.

Xin nói thêm rằng, theo tài liệu của ILO, bình quân mỗi lao động xuất khẩu của khu vực MLT mỗi năm gửi về nước khoảng 1.200 USD, còn theo tài liệu của IBRD là 2.400 USD. Tuy nhiên, có ý kiến cho rằng, số tiền gửi về gia đình có thể nhiều hơn thế vì khó tính được số tiền cầm tay hoặc gửi qua bạn bè mang giúp về cho gia đình.

Ở đây đặc biệt phải nói đến Brazil và Mexico. Trước hết, xin nói đến Brazil. Đầu thế kỷ XX hàng loạt người Nhật xin sang định cư ở Brazil. Đến thời kỳ kinh tế Nhật phục hưng (1986 - 1991) nhiều người Nhật hồi cư vì giá công lao động ở Nhật cao hơn so với ở Mỹ, do vậy, cho phép lao động nước ngoài ở Nhật gửi về cho gia đình nhiều tiền hơn ở các nước khác. Vì vậy, số tiền lao động nước ngoài gửi về gia đình có thể cao hơn số tiền nói trên. Hiện nay có khoảng 300 nghìn dân MLT sống ở Nhật (đứng thứ 3 sau Hàn Quốc và Trung Quốc), trong đó dân Brazil chiếm 80%, dân Peru chiếm 14%. Còn Mexico nhờ có biên giới chung với Mỹ lại có quan hệ truyền thống, cho nên dân Mexico sang Mỹ làm ăn khá nhiều, nhất là ở các vùng giáp biên giữa hai nước. Người ta tính rằng, vào giữa những năm 90 có 3,1% gia đình Mexico nhận được tiền lao động từ Mỹ gửi về. Số tiền này bình quân chiếm 65,6% ngân sách gia đình, trong đó, đối với 58,3% gia đình nó là nguồn thu chủ yếu, còn đối với 41,4% là nguồn thu duy nhất.

Trong 10 năm gần đây ở khu vực MLT, nhờ tiền lao động nước ngoài gửi về số hộ đói nghèo đã giảm, nhưng nhiều gia đình hiện vẫn sống ở ngưỡng đói nghèo vì số tiền ít ỏi mỗi người gửi về cho gia đình như trên

chưa chắc đã đủ để trang trải chi phí sinh hoạt.

Có điều chắc chắn ở đây là khác với vốn FDI vào các nước MLT, số tiền do lao động nước ngoài gửi về cho gia đình cũng là tài sản của xã hội luôn ở trong nước trực tiếp hay gián tiếp phục vụ nền kinh tế của đất nước. Đó là chưa kể những lao động ra nước ngoài còn tổ chức các quỹ từ thiện, quỹ xây dựng quê hương gửi về cho tổ quốc, như các lao động MLT ở Mỹ đã tổ chức quỹ xây dựng trường học, bệnh viện, đường sá để kiến thiết đất nước.

Xuất cảnh lao động giữa hai thêm kỷ nguyên cũ và mới gắn chặt với các quá trình toàn cầu hoá là nguyên nhân cơ bản và cũng là hậu quả của quá trình khách quan này. Toàn cầu hoá, một mặt, mở ra nhiều khả năng để di chuyển lao động từ nước này sang nước khác, mặt khác, chính lao động xuất cảnh lại góp phần đẩy mạnh quá trình toàn cầu hoá. Theo tài liệu điều tra của ILO, năm 2000 trên thế giới có khoảng 120 triệu lao động xuất cảnh. Số lao động này đang có chiều hướng gia tăng vì chênh lệch thu nhập trên đầu người giữa các nước đang phát triển. Đó là hệ quả của toàn cầu hoá ảnh hưởng trực tiếp đến nền kinh tế của mọi quốc gia và là một trong những nguyên nhân

chính được các nước hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu. Biến xuất cảnh lao động thành cơ chế quan trọng để tổ chức lại thị trường lao động quốc gia theo hướng toàn cầu hoá và thu hẹp các chức năng của thị trường lao động này cũng là hệ quả của hội nhập kinh tế khu vực và toàn cầu hoá các nền kinh tế.

Mặc dù còn nhiều điểm khác biệt về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nhưng cho đến nay đa số các nước MLT vẫn còn phổ biến hoạt động xuất cảnh lao động. Do vậy, các nhà kinh tế khuyến các nước MLT nên có chính sách "chiêu hiền đãi sỹ" tốt hơn, thích hợp hơn, phù hợp với thực trạng thế giới để giữ đội ngũ lao động trí óc ở lại phục vụ tổ quốc, không nên giữ quan điểm "bụt chùa nhà không thiêng", biểu hiện ở chỗ trong khi để đội ngũ lao động trí óc của mình ra nước ngoài kiếm sống, thì lại thuê những chuyên gia nước ngoài có học vấn tương tự về làm tư vấn cho mình trong lĩnh vực khoa học công nghệ, quản lý doanh nghiệp. Nếu tình trạng này còn tiếp diễn, thì về lâu về dài lợi sẽ bất cập hại vì tổ quốc ngày càng bị "rò rỉ" chất xám rất cần cho các nền kinh tế hậu công nghiệp, nền kinh tế tri thức ■

Nguồn: *Mỹ La tinh ngày nay*, số 8-10/2004.